

**CÔNG TY TNHH MTV BẢO HIỂM NGÂN HÀNG
TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch

Bà Nguyễn Hồng Vân

Chủ tịch

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Gia Anh
Ông Phạm Anh Tuấn
Bà Trần Thị Kim Yến
Ông Lê Tuấn Dũng

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc phụ trách (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2013

Số: 993 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 20 tháng 02 năm 2012 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 21 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1675/KTV

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DNBH
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		641.368.600.451	513.984.394.667
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30.918.872.222	282.990.531.283
1. Tiền mặt tại quỹ	111		132.170.628	171.127.039
2. Tiền gửi ngân hàng	112		6.924.351.594	6.448.084.244
3. Các khoản tương đương tiền	114		23.862.350.000	276.371.320.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	466.561.692.050	124.967.635.500
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		21.079.352.250	111.030.256.360
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		445.520.950.000	14.082.800.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(38.610.200)	(145.420.860)
III. Các khoản phải thu	130		143.365.453.745	105.459.281.289
1. Phải thu của khách hàng	131	6	148.842.824.097	112.458.169.751
2. Trả trước cho người bán	132		1.207.775.000	267.615.304
3. Thuế GTGT được khấu trừ	133		411.174.031	-
4. Các khoản phải thu khác	138		2.525.875.706	168.789.507
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.622.195.089)	(7.435.293.273)
IV. Tài sản lưu động khác	150		522.582.434	566.946.595
1. Tạm ứng	151		324.085.765	231.305.359
2. Chi phí trả trước	152		145.406.269	73.813.636
3. Các khoản thế chấp, ký quỹ	154		53.090.400	261.827.600
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200=210+220+240+243)	200		111.886.610.133	185.708.674.037
I. Tài sản cố định	210		3.178.413.619	3.234.831.647
1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	3.073.990.709	3.111.498.315
- Nguyên giá	212		5.411.377.791	4.975.169.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(2.337.387.082)	(1.863.671.241)
2. Tài sản cố định vô hình	217		104.422.910	123.333.332
- Nguyên giá	218		168.531.250	148.900.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(64.108.340)	(25.566.668)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		100.000.000.000	170.007.464.143
1. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228	8	100.000.000.000	170.007.464.143
III. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		6.101.577.119	10.493.958.960
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	10.000.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		101.577.119	493.958.960
IV. Tài sản dài hạn khác	243		2.606.619.395	1.972.419.287
1. Chi phí trả trước dài hạn	244		2.083.833.792	1.716.802.683
2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	245	9	522.785.603	255.616.604
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		753.255.210.584	699.693.068.704

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DNBH
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		194.078.126.485	149.110.367.810
I. Nợ ngắn hạn	310		91.203.427.288	71.764.636.974
1. Vay ngắn hạn	311		-	27.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	313	10	62.775.709.811	18.403.535.360
3. Người mua trả tiền trước	314		152.547.972	97.335.091
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	11	13.320.472.586	11.687.546.492
5. Phải trả công nhân viên	316		8.841.951.222	9.002.795.427
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	12	4.652.441.942	3.335.305.420
7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.460.303.755	2.238.119.184
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	13	102.874.699.197	77.345.730.836
1. Dự phòng phí	331		20.228.754.838	44.503.689.207
2. Dự phòng bồi thường	333		74.966.876.666	25.587.799.071
3. Dự phòng dao động lớn	334		7.679.067.693	7.254.242.558
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		559.177.084.099	550.582.700.894
I. Nguồn vốn, quỹ	410	14	559.177.084.099	550.582.700.894
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	415		6.280.909.783	1.801.810.477
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		7.950.970.743	5.602.077.622
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		44.945.203.573	43.178.812.795
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		753.255.210.584	699.693.068.704

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	1.928.528.361	2.929.437.978
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	115.742	796.568
- Euro (EUR)	384	383

Quách Văn Hà
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÀU SỐ B 02A-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		121.061.232.442	151.412.398.905
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		24.883.317.602	20.637.404.410
3. Các khoản giảm trừ:	03		103.714.764.648	78.261.468.123
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		102.413.463.374	76.118.956.566
- Giảm phí bảo hiểm	05		97.354.000	270.179.648
- Hoàn phí bảo hiểm	06		1.203.947.274	1.872.331.909
4. Tăng dự phòng phí	08	13	(24.274.934.369)	(3.998.660.179)
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		27.497.565.447	17.836.624.134
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	10		20.074.376	25.940.504
- Thu khác (đại lý, giám định...)	13		20.074.376	25.940.504
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		94.022.359.588	115.649.560.009
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		34.760.813.195	87.371.521.295
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		11.566.997.360	39.503.753.934
10. Các khoản giảm trừ:	17		17.051.142.332	79.323.532.581
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		17.051.142.332	79.323.532.581
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		29.276.668.223	47.551.742.648
12. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường	23	13	(2.972.122.655)	1.945.785.444
13. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	13	424.825.135	2.813.650.056
14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	25		19.215.449.617	19.306.500.252
14.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		13.485.107.288	12.572.782.382
- Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		10.509.779.608	10.582.177.737
- Chi giám định tổn thất	28		2.749.304.187	1.725.792.116
- Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		(134.007.636)	-
- Chi đề phòng hạn chế tổn thất	32		28.952.775	40.467.209
- Chi khác	33		331.078.354	224.345.320
14.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		5.730.342.329	6.733.717.870
- Chi hoa hồng	35		5.652.389.159	5.183.787.952
- Chi khác	38		77.953.170	1.549.929.918
15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		45.944.820.320	71.617.678.400
16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		48.077.539.268	44.031.881.609
17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		53.587.811.957	49.070.260.515
18. Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		(5.510.272.689)	(5.038.378.906)
19. Doanh thu hoạt động tài chính	46	16	70.523.941.648	68.572.014.443
20. Chi phí hoạt động tài chính	47	17	825.048.206	3.638.248.650
21. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		69.698.893.442	64.933.765.793
22. Thu nhập hoạt động khác	52		205.879.430	326.559.357
23. Chi phí hoạt động khác	53		1.365.772.880	188.395.208
24. Lợi nhuận hoạt động khác	54		(1.159.893.450)	138.164.149
25. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55		63.028.727.303	60.033.551.036
26.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	18	16.318.033.890	14.994.213.999
26.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60	9	(267.168.999)	(385.379.085)
27. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		46.977.862.412	45.424.716.122

Quách Văn Hà
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	137.104.740.912	150.480.155.029
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	43.410.458.683	18.098.348.444
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	617.424.036	71.984.489
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(34.556.043.778)	(79.733.530.349)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(68.858.175.587)	(38.416.426.178)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(7.922.447.490)	(7.502.821.072)
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(29.284.497.659)	(23.157.086.695)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	09	(28.201.914.246)	(22.386.636.381)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(1.890.879.046)	(1.364.826.207)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(3.068.856.978)	(2.308.921.128)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.349.808.847	(6.219.760.048)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	192.921.768.242	159.749.674.003
2. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	69.043.878.658	57.234.371.591
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	23	-	1.350.000
4. Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong năm	24	(455.763.900.000)	(188.209.743.733)
5. Tiền mua tài sản cố định	25	(469.562.235)	(790.338.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(194.267.815.335)	27.985.313.120
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu do đi vay	31	-	27.000.000.000
2. Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	-	200.000.000.000
3. Tiền đã trả nợ vay	34	(27.000.000.000)	(81.186.350.000)
4. Tiền chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	35	(38.350.728.142)	(18.525.044.929)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(65.350.728.142)	127.288.605.071
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(252.268.734.630)	149.054.158.143
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	282.990.531.283	133.978.349.124
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	61	197.075.569	(41.975.984)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	30.918.872.222	282.990.531.283


Quách Văn Hà
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng


Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam sở hữu 100% được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 12 tháng 12 năm 2002 và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 140 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 139).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất; giám định tổn thất; đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường; yêu cầu người thứ ba bồi hoàn; quản lý quỹ và đầu tư vốn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 30 tháng 7 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 125/2012/TT-BTC (“Thông tư 125”) về hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thay thế cho Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 (“Thông tư 156”). Thông tư 125 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2012. Thông tư 125 quy định về chế độ tài chính, bao gồm các quy định về vốn, dự phòng nghiệp vụ, đầu tư tài chính, doanh thu - chi phí, chế độ báo cáo và thông tin quản trị về cơ bản là giống như Thông tư 156.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 125 và Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu.

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Việc áp dụng Thông tư 232 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, tình hình bồi thường và nhiều thông tin quan trọng khác. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, dự phòng bồi thường.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản phải thu đã được xem xét trích lập dự phòng đầy đủ và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	(Số năm)
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn), các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và các khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận theo phương pháp giá gốc gồm giá mua cộng chi phí liên quan như: phí mua bán, phí liên lạc, thuế và phí ngân hàng.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc: Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đơn bảo hiểm được cấp cho khách hàng đã phát sinh trách nhiệm và theo kỳ thu phí nếu thời hạn của đơn bảo hiểm kéo dài nhiều năm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm: Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh thu phí nhận tái bảo hiểm nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu lịch sử và số liệu ước tính của Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Đối với hoạt động khác:

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích; doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi nhận được thông báo chia cổ tức; các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi phát sinh.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu hồi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ký quỹ bảo hiểm

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định hoặc tối thiểu 6 tỷ đồng. Khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Dự phòng nghiệp vụ

Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012), theo đó:

Dự phòng phí: Mức trích lập dự phòng phí được tính bằng 25% số phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% số phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ (Tiếp theo)

Dự phòng bồi thường: Được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm giữ lại của Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất chưa được thông báo, dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012). Theo Công văn số 17924 ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Cục quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính, Công ty được phép trích lập dự phòng dao động lớn đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại trong năm, và được trích cho tới khi bằng 100% phí giữ lại trong năm.

Năm 2011, Công ty thực hiện trích lập dự phòng dao động lớn đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm. Nếu Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng dao động lớn nhất quán so với năm 2011 sẽ làm cho lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2012 giảm 849.650.273 VND.

Nguồn vốn và các quỹ tại doanh nghiệp

Vốn điều lệ của Công ty là số vốn do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cấp, và được ghi trong điều lệ của Công ty. Trong quá trình hoạt động, Công ty duy trì mức vốn điều lệ đã góp không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, Công ty công bố công khai số vốn điều lệ mới.

Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật, trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý, trích quỹ dự trữ bắt buộc theo quy định của pháp luật (gọi là lợi nhuận còn lại), được phân phối vào các quỹ theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và của pháp luật.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng và tổ chức tín dụng (i)	445.520.950.000	14.082.800.000
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	20.049.095.890	110.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Hỗ trợ Kiến thiết Miền núi	-	30.000.000.000
- Trái phiếu chính phủ	-	80.000.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	20.049.095.890	-
(ii)		
Đầu tư cổ phiếu niêm yết	1.030.256.360	1.030.256.360
	466.600.302.250	125.113.056.360
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(38.610.200)	(145.420.860)
	466.561.692.050	124.967.635.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND hoặc USD tại các Ngân hàng và tổ chức tín dụng có kỳ hạn trên 3 tháng và sẽ đáo hạn trong vòng 1 năm.
- (ii) Là khoản đầu tư vào 200.000 trái phiếu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Đường cao tốc Việt Nam với số tiền là 20.049.095.890 đồng (mệnh giá 100.000 đồng). Trái phiếu được đảm bảo bởi Bộ Tài chính, lãi suất trái phiếu cố định 12,8%/năm. Lãi trái phiếu được trả sau và được thanh toán một năm một lần kể từ ngày phát hành Trái phiếu. Trái phiếu đã đáo hạn vào ngày 01 tháng 3 năm 2013, tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa thu hồi được gốc trái phiếu này. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về khả năng thu hồi khoản gốc trái phiếu và tin tưởng rằng do được bảo đảm bởi Bộ Tài chính nên sẽ không mất khả năng thu hồi (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản trái phiếu này vẫn được trình bày tại mục đầu tư tài chính dài hạn như Thuyết minh số 8).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	34.675.517.267	35.040.777.905
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	12.859.004.025	5.122.051.165
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	75.282.452.153	47.688.424.702
Phải thu hoạt động tài chính	26.025.850.652	24.545.787.662
Phải thu khách hàng khác	-	61.128.317
	148.842.824.097	112.458.169.751

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	3.536.108.373	1.439.061.183	4.975.169.556
Tăng trong năm	-	447.062.235	447.062.235
Giảm trong năm	-	(10.854.000)	(10.854.000)
Tại ngày 31/12/2012	3.536.108.373	1.875.269.418	5.411.377.791
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.134.397.651	729.273.590	1.863.671.241
Tăng trong năm	314.653.200	161.741.253	476.394.453
Giảm trong năm	-	(2.678.612)	(2.678.612)
Tại ngày 31/12/2012	1.449.050.851	888.336.231	2.337.387.082
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	2.087.057.522	986.933.187	3.073.990.709
Tại ngày 31/12/2011	2.401.710.722	709.787.593	3.111.498.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	120.049.095.890
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (ii)	50.000.000.000	50.000.000.000
- Tổng Công ty Sông Đà (iii)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	-	20.049.095.890
- Trái phiếu Chính phủ	-	49.958.368.253
	100.000.000.000	170.007.464.143

- (i) Trái phiếu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Lãi suất trái phiếu được thả nổi hàng năm, lãi được trả sau và thanh toán vào ngày 10 tháng 4 hàng năm. Trái phiếu sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 4 năm 2014.
- (ii) Trái phiếu của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc với mệnh giá 100.000 đồng /trái phiếu. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định 11,5%/năm. Trái phiếu sẽ đáo hạn vào ngày 08 tháng 5 năm 2014.
- (iii) Trái phiếu của Tổng Công ty Sông Đà với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Lãi trái phiếu được thả nổi hàng năm, lãi được trả sau và được thanh toán một năm một lần. Trái phiếu sẽ đáo hạn vào ngày 20 tháng 4 năm 2015.

9. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Chi phí trích trước	Lỗ chênh lệch	Tổng cộng
	VND	tỷ giá	VND
Tại ngày 01/01/2012	255.616.604	-	255.616.604
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	258.507.891	8.661.108	267.168.999
Tại ngày 31/12/2012	514.124.495	8.661.108	522.785.603

10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	3.540.009.478	2.368.323.634
Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	7.585.718.748	960.596.892
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	51.139.974.989	13.854.741.549
Phải trả khác cho người bán	510.006.596	1.219.873.285
	62.775.709.811	18.403.535.360

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2012	Số phải nộp	Đã nộp	31/12/2012
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.358.378.018	8.789.456.923	7.877.758.597	2.270.076.344
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.798.912.255	16.318.033.890	15.335.437.692	8.781.508.453
3. Các loại thuế khác	2.530.256.219	4.727.349.527	4.988.717.957	2.268.887.789
	11.687.546.492	29.834.840.340	28.201.914.246	13.320.472.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	9.420.500	5.267.506
Bảo hiểm y tế	4.733.387	14.279.359
Kinh phí công đoàn	15.053.176	31.559.985
Bảo hiểm thất nghiệp	1.378.413	(7.261.975)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.621.856.466	3.291.460.545
	4.652.441.942	3.335.305.420

13. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng phí	44.503.689.207	(24.274.934.369)	-	20.228.754.838
Dự phòng bồi thường (*)	25.587.799.071	49.379.077.595	-	74.966.876.666
- Phần thuộc trách nhiệm của Công ty	17.345.597.065	(2.972.122.655)	-	14.373.474.410
- Phần thuộc trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm	8.242.202.006	52.351.200.250	-	60.593.402.256
Dự phòng dao động lớn	7.254.242.558	424.825.135	-	7.679.067.693
	77.345.730.836	25.528.968.361	-	102.874.699.197

(*) Dự phòng bồi thường bao gồm:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Khoản dự phòng này được trích ở mức 74.587.756.785 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất lớn nêu trên ước tính là 60.593.402.256 đồng.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 379.119.881 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Phần dự phòng bồi thường tăng trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuần, tức là sau khi trừ đi phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. NGUỒN VỐN, QUỸ

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Nguồn vốn kinh doanh VND	Quỹ Dự phòng tài chính VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	300.000.000.000	1.801.810.477	3.330.841.816	24.180.839.833	329.313.492.126
Vốn góp	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	45.424.716.122	45.424.716.122
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	2.271.235.806	(2.271.235.806)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.256.250.000)	(5.256.250.000)
Chi thù lao hội đồng thành viên	-	-	-	(374.212.425)	(374.212.425)
Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ	-	-	-	(18.525.044.929)	(18.525.044.929)
Tại ngày 01/01/2012	500.000.000.000	1.801.810.477	5.602.077.622	43.178.812.795	550.582.700.894
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	46.977.862.412	46.977.862.412
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	2.348.893.121	(2.348.893.121)	-
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	4.511.850.370	-	(4.511.850.370)	-
Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ	-	-	-	(38.350.728.143)	(38.350.728.143)
Các khoản khác	-	(32.751.064)	-	-	(32.751.064)
Tại ngày 31/12/2012	500.000.000.000	6.280.909.783	7.950.970.743	44.945.203.573	559.177.084.099

Theo Quyết định số 2086/TGD-NHCT11 ngày 06 tháng 4 năm 2012 của công ty mẹ - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2011 sẽ thực hiện trích quỹ dự trữ bắt buộc 5% theo quy định (đã ghi nhận năm 2011), trích lập quỹ dự phòng tài chính 10%. Phần lợi nhuận còn lại sẽ được chuyển về công ty mẹ, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.784.110.328	1.742.030.690
Chi phí nhân công	34.558.489.692	30.062.489.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	513.385.557	714.500.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.249.233.482	13.655.168.999
Chi phí khác	3.482.592.898	2.896.071.061
	53.587.811.957	49.070.260.515

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi	44.660.764.999	36.376.409.237
Lãi trái phiếu	25.101.332.002	29.591.377.010
Cổ tức và lợi nhuận được chia	153.919.440	167.966.735
Lãi chênh lệch tỷ giá	607.925.207	2.436.261.461
	70.523.941.648	68.572.014.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	1.148.541.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá	342.120.000	1.517.965.119
Chi phí hoạt động tài chính khác	482.928.206	971.741.864
	825.048.206	3.638.248.650

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	63.028.727.303	60.033.551.036
Trừ: thu nhập không chịu thuế	153.919.440	427.220.016
- Cổ tức nhận được	153.919.440	167.966.735
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	259.253.281
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.397.327.698	370.524.977
- Tiền thù lao	240.000.000	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.644.431	-
- Các khoản chi phí trích trước chưa chi	2.056.497.981	370.524.977
- Các khoản khác	66.185.286	-
Lợi nhuận tính thuế	65.272.135.561	59.976.855.997
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	16.318.033.890	14.994.213.999
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm	16.318.033.890	14.994.213.999

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh bảo hiểm, các khoản đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh khác là không đáng kể. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong cùng một khu vực địa lý cũng như cùng môi trường kinh tế. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty.

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.918.872.222	282.990.531.283
Phải thu khách hàng và phải thu khác	141.746.504.714	105.191.665.985
Đầu tư ngắn hạn	466.561.692.050	124.967.635.500
Đầu tư dài hạn	100.000.000.000	170.007.464.143
Tài sản tài chính khác	6.154.667.519	10.755.786.560
Tổng cộng	745.381.736.505	693.913.083.471
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	67.398.944.690	21.687.733.930
Dự phòng bồi thường	74.966.876.666	25.587.799.071
Tổng cộng	142.365.821.356	47.275.533.001

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	10.148.349.594	7.035.365.360	61.475.287.212	50.592.098.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm tương ứng khoảng 5,1 tỷ đồng. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm mở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.918.872.222	-	30.918.872.222
Phải thu khách hàng và phải thu khác	141.746.504.714	-	141.746.504.714
Đầu tư ngắn hạn	466.561.692.050	-	466.561.692.050
Đầu tư dài hạn	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Tài sản tài chính khác	53.090.400	6.101.577.119	6.154.667.519
Tổng cộng	639.280.159.386	106.101.577.119	745.381.736.505
31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	67.398.944.690	-	67.398.944.690
Dự phòng bồi thường	74.966.876.666	-	74.966.876.666
Tổng cộng	142.365.821.356	-	142.365.821.356
Chênh lệch thanh khoản thuần	496.914.338.030	106.101.577.119	603.015.915.149
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	282.990.531.283	-	282.990.531.283
Phải thu khách hàng và phải thu khác	105.191.665.985	-	105.191.665.985
Đầu tư ngắn hạn	124.967.635.500	-	124.967.635.500
Đầu tư dài hạn	-	170.007.464.143	170.007.464.143
Tài sản tài chính khác	261.827.600	10.493.958.960	10.755.786.560
Tổng cộng	513.411.660.368	180.501.423.103	693.913.083.471
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	21.687.733.930	-	21.687.733.930
Dự phòng bồi thường	25.587.799.071	-	25.587.799.071
Tổng cộng	47.275.533.001	-	47.275.533.001
Chênh lệch thanh khoản thuần	466.136.127.367	180.501.423.103	646.637.550.470

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2012, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		
- Doanh thu phí bảo hiểm	24.877.900.133	20.877.547.422
- Chi phí hoa hồng đại lý	5.068.731.526	6.926.746.562
- Chi phí lãi vay	26.250.000	1.148.541.667
- Doanh thu lãi tiền gửi	37.886.653.859	23.711.963.949
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Doanh thu lãi tiền gửi	1.661.500.029	-
- Chi phí hoa hồng đại lý	15.505.509	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư Công đoàn Ngân hàng Công thương Việt Nam		
- Doanh thu phí bảo hiểm	692.325.484	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam		
- Doanh thu phí bảo hiểm	45.321.455	-
Công ty Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Doanh thu phí bảo hiểm	168.389.500	-
- Doanh thu lãi tiền gửi	5.112.611.111	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lương, thưởng	3.136.679.757	3.631.925.035

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các sổ dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		
- Vốn góp	500.000.000.000	500.000.000.000
- Tiền gửi không kỳ hạn	6.891.156.447	6.160.146.183
- Tiền gửi có kỳ hạn	440.383.300.000	288.454.120.000
- Lãi tiền gửi phải thu	13.173.814.184	1.199.461.501
- Phí bảo hiểm phải thu	5.240.256.971	2.298.683.445
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	12.000.000.000
- Lãi tiền gửi phải thu	1.086.777.778	981.555.556
Công ty Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	-
- Lãi tiền gửi phải thu	172.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư Công đoàn Ngân hàng Công thương Việt Nam		
- Phí bảo hiểm phải thu	93.511.090	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam		
- Tiền gửi đầu tư chứng khoán	21.865.553	177.243.906

**CÔNG TY TNHH MTV BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
Tầng 10, 11 Tòa nhà 126 Đội Cấn
Quận Ba Đình, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Quách Văn Hà
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Ngày 21 tháng 3 năm 2013